TỐ N NHÂN ÂN TỈNH Ồ MAU	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 316/2023/DS-PT Ngày 11 – 9 – 2023 V/v tranh chấp thừa kế quyền sử dụng đất	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Lập

Các Thẩm phán: Bà H2 Thị Hải Hà

Bà Đinh Cẩm Đào

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Hứa Như Nguyện - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Diễm Thuý – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 08 và 11 tháng 9 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 146/2023/TLPT-DS ngày 09 tháng 5 năm 2023 về việc tranh chấp chia thừa kế quyền sử dụng đất.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 11/2023/DS-ST ngày 28 tháng 2 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Thới Bình bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 114/2023/QĐ-PT ngày 30 tháng 5 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:*

1. Bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1933;

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị S: Ông Nguyễn Văn T2, sinh năm 1982; (Có mặt).

Cùng địa chỉ cư trú: Ấp 2, xã T, huyện T, tỉnh C ..

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Nguyễn Thị S: Ông Kim Chan Đa Ra, là Luật sư cộng tác viên của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Cà Mau (Có mặt).

2. Ông Nguyễn Văn D1, sinh năm 1952 (Có mặt);

3. Bà Nguyễn Thị O, sinh năm 1960 (Có mặt);

Cùng địa chỉ cư trú: Khóm 6, phường 6, thành phố C, tỉnh C ..

4. Bà Nguyễn Thị T1, sinh năm 1962 (Có mặt);

Địa chỉ cư trú: Ấp 5, xã T, huyện T, tỉnh C ..

5. Ông Nguyễn Văn X1, sinh năm 1956

Địa chỉ cư trú: Khóm 4, phường T, thành phố C, tỉnh C ..

Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Văn X1: Ông Nguyễn Văn T2 (Có mặt).

6. Ông Nguyễn Văn C1, sinh năm 1969 (Có mặt)

Địa chỉ cư trú: Khóm 7, phường 6, thành phố C, tỉnh C ..

7. Ông Nguyễn Văn E, sinh năm 1971

Địa chỉ cư trú: Ấp 1, xã T, huyện T, tỉnh C ..

Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Văn E: Ông Nguyễn Văn T2; Địa chỉ cư trú: Ấp 2, xã T, huyện T, tỉnh C . (Có mặt).

8. Bà Nguyễn Thị U, sinh năm 1972 (Có mặt);

Địa chỉ cư trú: Ấp 1, xã T, huyện T, tỉnh C ..

9. Bà Nguyễn Thị B1, sinh năm 1976

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị B1: Ông Nguyễn Văn T2; Địa chỉ cư trú: Ấp 2, xã T, huyện T, tỉnh C . (Có mặt).

10. Ông Nguyễn Văn D2, sinh năm 1979 (Có mặt);

11.Ông Nguyễn Văn T2, sinh năm 1982 (Có mặt);

Cùng địa chỉ cư trú: Ấp 2, xã T, huyện T, tỉnh C ..

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn H1, sinh năm 1952 (Có mặt);

Địa chỉ cư trú: Ấp 1, xã T, huyện T, tỉnh C ..

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Anh Nguyễn Văn X2, sinh năm 1981 (Có mặt);

2. Anh Nguyễn Văn D3, sinh năm 1983 (Có mặt);

3. Anh Nguyễn Văn C2 (Vắng mặt);

4. Anh Nguyễn Văn B2, sinh năm 1985 (Vắng mặt);

5. Anh Nguyễn Văn P (Vắng mặt);

6. Anh Nguyễn Văn V, sinh năm 1975 (Vắng mặt);

7. Anh Nguyễn Văn D4 (Vắng mặt);

8. Anh Nguyễn Văn H2, sinh năm 1972 (Có mặt);

9. Anh Nguyễn Văn C3, sinh năm 1970 (Có mặt);

10. Bà Phạm Thị B3 (Vắng mặt);

11. Ông Trần Sa M, sinh năm 1967 (Vắng mặt);

Cùng địa chỉ cư trú: Ấp 1, xã T, huyện T, tỉnh C ..

12. Ủy ban nhân dân huyện Thới B4 (Vắng mặt);

Địa chỉ: Khóm 1, thị trấn T, huyện T, tỉnh C.

- *Người kháng cáo*: Ông Nguyễn Văn D1, bà Nguyễn Thị O, bà Nguyễn Thị T1, ông Nguyễn Văn X1, ông Nguyễn Văn C1, ông Nguyễn Văn E, bà Nguyễn Thị U, bà Nguyễn Thị B1, ông Nguyễn Văn D2, ông Nguyễn Văn T2, là nguyên đơn; Ông Nguyễn Văn H1, là bị đơn; Anh Nguyễn Văn D3, anh Nguyễn Văn X2, là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Ông Nguyễn Văn T2 là người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị S trình bày:

Nguồn gốc phần đất tranh chấp do cha bà S là ông Nguyễn Hộ Thân cho lại bà Nguyễn Thị S và ông Nguyễn Văn Tới từ thời pháp thuộc. Phần đất này trước đây bị Nhà nước thu hồi làm nhà máy đường; đến năm 2022 ông Tới và bà S được trả lại đất, bà S thống nhất để cho ông Tới làm thủ tục đăng ký và đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Năm 2022, ông Tới được Ủy ban nhân dân huyện Thới B4 cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với tổng diện tích 1.394,6 m^2 gồm các thửa đất số 350 và 353 tờ bản đồ số 12, phần đất tọa lạc tại ấp 1, xã Trí Phải, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

Cách nay khoảng 08 năm, ông Nguyễn Văn H1 (là con bà S) tự ý kêu anh Nguyễn Văn D3 cất nhà bằng cây gỗ địa phương ở tạm, chiều ngang khoảng 04m giáp Kênh xáng Trắc Băng. Sau vài năm ông H1 tiếp tục kêu Nguyễn Văn X2 cất nhà bằng cây gỗ địa phương, chiều ngang khoảng 4m giáp ông D3 để chiếm đất.

Nay ông Tới chết, bà S và các người con của bà và ông Tới định đoạt tài sản thì bị ông Nguyễn Văn H1 ngăn cản và kêu ông D3, ông X2 không được trả đất lại cho các ông bà.

Ông Tới và bà S có 11 người con chung, gồm: Ông Nguyễn Văn D1, bà Nguyễn Thị O, bà Nguyễn Thị T1, ông Nguyễn Văn X1, ông Nguyễn Văn C1, ông Nguyễn Văn E, bà Nguyễn Thị U, bà Nguyễn Thị B1, ông Nguyễn Văn D2, ông Nguyễn Văn T2 và ông Nguyễn Văn H1.

Nay bà S và các con gồm: Ông Nguyễn Văn D1, bà Nguyễn Thị O, bà Nguyễn Thị T1, ông Nguyễn Văn X1, ông Nguyễn Văn C1, ông Nguyễn Văn E, bà Nguyễn Thị U, bà Nguyễn Thị B1, ông Nguyễn Văn D2, ông Nguyễn Văn T2 khởi kiện yêu cầu buộc ông Nguyễn Văn H1, ông Nguyễn Văn X2, ông Nguyễn Văn D3 trả lại phần đất là một phần thửa đất số 350, tờ bản đồ số 12, tọa lạc tại ấp 1, xã Trí Phải, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau và yêu cầu phân chia thừa kế theo quy định của pháp luật phần đất theo đo đạc thực tế tổng diện tích 1.343,9 m^2 thuộc các thửa số 350 và 353, tờ bản đồ số 12, tọa lạc tại ấp 1, xã Trí Phải, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau; đồng thời không chấp nhận yêu cầu phản tố của ông H1.

- Theo ông Nguyễn Văn D1, bà Nguyễn Thị O, bà Nguyễn Thị T1, ông Nguyễn Văn C1, bà Nguyễn Thị U, ông Nguyễn Văn D2 trình bày:

Thống nhất với lời trình bày của ông T2, không chấp nhận các yêu cầu phản tố của ông H1.

- Theo ông Nguyễn Văn H1 trình bày:

Nguồn gốc phần đất tranh chấp là do ông bà ngoại của ông cho lại mẹ ông là bà Nguyễn Thị S, sau đó cha ông là ông Nguyễn Văn Tới có kêu ông về và cho phần đất có tranh chấp hiện nay, ông trực tiếp quản lý, sử dụng từ khoảng năm 1981; đến năm 1982 Nhà nước thu hồi đất làm Nhà máy đường ông chuyển lại khu vực chợ ở. Năm 1992, khi Nhà nước trả lại đất ông trực tiếp cất nhà ở trên đất, ông xác định đất này do ông Tới cho lại ông, khi ông Tới cho đất không ai có ý kiến gì. Năm 2022, ông Tới được cấp giấy chứng nhận quyền sử đất mà bà S và các em của ông yêu cầu phân chia thừa kế phần đất này là không hợp lý.

Trên đất ông có cho hai người con là anh Nguyễn Văn X2 và anh Nguyễn Văn D3 cất nhà tạm ở trên đất. Đến năm 2021, khi Nhà nước làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì chồng của bà U có kêu ông ký thủ tục, do ông không hiểu nên ký tên vào thủ tục trả đất của ông Tới. Năm 2022, ông Tới được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Ông H1 không đồng ý yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn, đồng thời có đơn phản tố yêu cầu: Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Đ 702218 do UBND huyện Thới Bình cấp ngày 14/01/2022 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Đ 702219 do UBND huyện Thới Bình cấp ngày 14/01/2019 do ông Nguyễn Văn Tới đứng tên giấy chứng nhận; buộc bà U tháo dỡ phần nhà xây cất trên phần đất thuộc thửa đất số 353 mà ông đã cho mượn để trả đất cho ông; Công nhận cho ông là chủ quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 350, 353 nêu trên và được tiến hành các thủ tục đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với hai thửa đất này.

- Theo anh Nguyễn Văn X2 trình bày:

Khoảng năm 1997, anh có cất một căn nhà nằm trên phần đất hiện đang tranh chấp, là nhà tạm có chiều ngang 4m, chiều dài 12m, cất cặp mé sông. Hiện tại anh X2 vẫn ở tại căn nhà này vì là phần đất của ông H1 cho lại anh, anh không chấp nhận yêu cầu phía nguyên đơn đặt ra.

- Theo anh Nguyễn Văn D3 trình bày:

Khoảng trước bão số 5 khoảng 02 năm, anh có cất một căn nhà nằm trên phần đất hiện đang tranh chấp, là nhà tạm. Lý do cất nhà là mẹ anh chết, cha anh là ông H1 lập gia đình mới nên anh cất nhà để cho các người anh em của anh ở. Hiện tại anh D3 vẫn ở tại căn nhà này; vì phần đất của ông H1 cho lại anh, nên anh không chấp nhận yêu cầu của các nguyên đơn

*- Theo anh Nguyễn Văn B2, anh Nguyễn Văn V, anh Nguyễn Văn H2, anh Nguyễn Văn C3 trình bày:*Thống nhất với trình bày và yêu cầu của ông H1.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 11/2023/DS-ST ngày 28 tháng 02 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Thới Bình (Quyết định sửa chữa, bổ sung số 11/2023/QĐ-SCBSBA ngày 13/3/2023) quyết định:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị S, ông Nguyễn Văn D1, bà Nguyễn Thị O, bà Nguyễn Thị T1, ông Nguyễn Văn X1, ông Nguyễn Văn C1, ông Nguyễn Văn E, bà Nguyễn Thị U, bà Nguyễn Thị B1, ông Nguyễn Văn D2, ông Nguyễn Văn T2 đối ông Nguyễn Văn H1 về việc về việc phân chia di sản thừa kế là phần đất có diện tích 1.343.9 m^2, tọa lạc tại ấp 1, xã Trí Phải, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

Không chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Nguyễn Văn H1 đối với bà Nguyễn Thị S, ông Nguyễn Văn D1, bà Nguyễn Thị O, bà Nguyễn Thị T1, ông Nguyễn Văn X1, ông Nguyễn Văn C1, ông Nguyễn Văn E, bà Nguyễn Thị U, bà Nguyễn Thị B1, ông Nguyễn Văn D2, ông Nguyễn Văn T2 về việc hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Nguyễn Văn Tới, buộc bà Nguyễn Thị U tháo dở nhà và công nhận cho ông H1 quyền sử dụng phần đất nêu trên.

Buộc ông Nguyễn Văn H1 giao lại phần đất trồng cây lâu năm đang quản lý có diện tích 184,5 m^2, tọa lạc tại ấp 1, xã Trí Phải, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau để phân chia thừa kế, cụ thể như sau:

Bà Nguyễn Thị S được quản lý, sử dụng phần đất có diện tích 727,94 m^2, Cụ thể: Phần đất trồng cây lâu năm 184,5 m^2, trong đó đất vỉa hè 23m^2, có tứ cận: Mặt tiền giáp TỈNH LỘ 983.NHỰA mốc M3'-M4 dài 7,27 m; Mặt hậu nhìn từ mặt tiền giáp Kênh Trắc Băng mốc M1'-M6 dài 8m; Cạnh trái nhìn từ mặt tiền giáp phần đất Ủy ban nhân dân xã Trí Phải quản lý mốc M4-M6 dài 24,79m; Cạnh phải nhìn từ mặt tiền giáp đất được chia cho ông H1 mốc M3'-M1'dài 23,81m; Phần đất ở và trồng cây lâu năm 543,44 m^2, trong đó đất vỉa hè 26,1m^2, có tứ cận: Mặt tiền giáp TỈNH LỘ 983. NHỰA mốc M7'-M12 dài 8,48m; Mặt hậu nhìn từ mặt tiền giáp phần đất UBND xã Trí Phải đang quản lý mốc M9'-M10 dài 8,30m; Cạnh phải nhìn từ mặt tiền giáp phần đất UBND xã Trí Phải đang quản lý mốc M10-M12 dài 64,93m; Cạnh trái nhìn từ mặt tiền giáp phần đất còn lại của ông Tới thừa kế cho các con mốc M7'-M9'dài 64,66m.

Ông Nguyễn Văn H1 được tiếp tục quản lý, sử dụng phần đất trồng cây lâu năm có diện tích 173,3 m^2, trong đó đất vỉa hè 23,3m^2, có tứ cận: Mặt tiền giáp TỈNH LỘ 983.NHỰA mốc M3'-M3 dài 7,73 m; Mặt hậu nhìn từ mặt tiền giáp Kênh Trắc Băng mốc M1'-M1 dài 7,18m; Cạnh trái nhìn từ mặt tiền giáp đất được chia cho bà S mốc M3'-M1'dài 23,81m; Cạnh phải nhìn từ mặt tiền giáp phần đất bà Quách Thị Ngọc Loan mốc M1-M3 dài 22,94m.

Ông Nguyễn Văn T2 được quản lý, sử dụng phần đất ở, trồng cây lâu năm có diện tích còn lại có diện tích 442,66 m^2, trong đó đất vỉa hè 21,5 m^2, có tứ cận: Mặt tiền giáp TỈNH LỘ 983.NHỰA mốc M7-M7' dài 7,02 m^2; Mặt hậu nhìn từ mặt tiền giáp phần đất UBND xã Trí Phải đang quản lý mốc M9-M9' dài 6,70m, cạnh phải nhìn từ mặt tiền giáp đất bà Nguyễn Thị S được nhận quản lý mốc M7'-M9'dài 64,66m; Cạnh trái nhìn từ mặt tiền giáp phần đất ông Trần Trung Hiếu mốc M7-M9 dài 64,45m.

Buộc anh Nguyễn Văn D3, anh Nguyễn Văn C2 có nghĩa vụ khai thác cây trồng, vật nuôi, tháo dở, di dời căn nhà, nhà tắm ra khỏi phần đất có diện tích 184,5 m^2 mà bà S được quyền quản lý, sử dụng nêu trên.

Ghi nhận sự tự nguyện của ông Nguyễn Văn D1, bà Nguyễn Thị O, bà Nguyễn Thị T1, ông Nguyễn Văn X1, ông Nguyễn Văn C1, ông Nguyễn Văn E, bà Nguyễn Thị U, bà Nguyễn Thị B1, ông Nguyễn Văn D2 và ông Nguyễn Văn T2. Ông Nguyễn Văn T2 có nghĩa vụ hoàn lại cho các ông bà nêu trên mỗi người 40.725.000 đồng.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, lãi suất chậm trả, án phí và quyền kháng của đương sự.

Ngày 13/3/2023, ông Nguyễn Văn D1, bà Nguyễn Thị O, bà Nguyễn Thị T1, ông Nguyễn Văn X1, ông Nguyễn Văn C1, ông Nguyễn Văn E, bà Nguyễn Thị U, bà Nguyễn Thị B1, ông Nguyễn Văn D2, ông Nguyễn Văn T2 có đơn kháng cáo, yêu cầu sửa một phần bản án sơ thẩm, phân chia cho mỗi người được nhận một kỷ phần bằng 55,99m^2; thống nhất giao kỷ phần được chia cho ông T2 quản lý, sử dụng, không buộc ông T2 hoàn lại giá trị của kỷ phần thừa kế.

Ngày 13/3/2023, ông Nguyễn Văn H1 có đơn kháng cáo, yêu cầu sửa bản án sơ thẩm, phân chia cho ông phần đất chiều ngang 15m, chiều dài từ lộ xe đến kênh xáng Trắc Băng để các con ông có chỗ ở ổn định.

Ngày 13/3/2023, anh Nguyễn Văn X2 có đơn kháng cáo, yêu cầu tạo điều kiện chổ ở và hỗ trợ tiền ăn, tiền di dời cho gia đình anh.

Ngày 13/3/2023, anh Nguyễn Văn D3 có đơn kháng cáo, yêu cầu tạo điều kiện chổ ở khác và hỗ trợ di dời cho gia đình anh.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Anh Nguyễn Văn X2 rút lại yêu cầu kháng cáo;

Anh Nguyễn Văn D3, ông Nguyễn Văn H1, ông Nguyễn Văn D1, bà Nguyễn Thị O, bà Nguyễn Thị T1, ông Nguyễn Văn X1, ông Nguyễn Văn C1, ông Nguyễn Văn E, bà Nguyễn Thị U, bà Nguyễn Thị B1, ông Nguyễn Văn D2, ông Nguyễn Văn T2 giữ nguyên kháng cáo.

Phần tranh luận tại phiên toà:

Ông D1, bà O, bà T1, ông X1, ông C1, ông E, bà U, bà B1, ông D2, ông T2 không có ý kiến tranh luận.

Anh D3, ông H1 không có ý kiến tranh luận.

Luật sư Kim Chan Đa Ra phát biểu: Phần đất tranh chấp là tài sản chung của bà S và ông Tới, nên ½ diện tích là tài sản của bà S; ½ diện tích còn lại là của ông Tới, ông Tới chết không để lại di chúc nên được phân chia thừa kế theo pháp luật cho hàng thừa kế thứ nhất của ông Tới gồm có bà S và 11 người con, gồm 12 kỷ phần. Do đó, yêu cầu giữ nguyên bản án sơ thẩm đối với phần phân chia cho bà S.

Anh X2, anh H2, anh C3 không có ý kiến tranh luận.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên toà phát biểu: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án; của Hội đồng xét xử và những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng tại phiên tòa đúng quy định pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của anh Nguyễn Văn X2. Căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự: Chấp nhận kháng cáo của anh Nguyễn Văn D3; không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Văn H1; chấp nhận một phần kháng cáo của ông Nguyễn Văn D1, bà Nguyễn Thị O, bà Nguyễn Thị T1, ông Nguyễn Văn X1, ông Nguyễn Văn C1, ông Nguyễn Văn E, bà Nguyễn Thị U, bà Nguyễn Thị B1, ông Nguyễn Văn D2, ông Nguyễn Văn T2, sửa bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, anh Nguyễn Văn X2 rút yêu cầu kháng cáo, nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 284 của Bộ luật tố tụng dân sự, đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của anh Nguyễn Văn X2.

[2] Xét kháng cáo của ông Nguyễn Văn D1, bà Nguyễn Thị O, bà Nguyễn Thị T1, ông Nguyễn Văn X1, ông Nguyễn Văn C1, ông Nguyễn Văn E, bà Nguyễn Thị U, bà Nguyễn Thị B1, ông Nguyễn Văn D2, ông Nguyễn Văn T2, ông Nguyễn Văn H1, anh Nguyễn Văn D3, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Đối với kháng cáo của ông D1, bà O, bà T1, ông X1, ông C1, ông E, bà U, bà B1, ông D2, ông T2 yêu cầu chia mỗi kỷ phần bằng 55,99m^2; kháng cáo của ông H1 yêu cầu chia phần đất ngang 15m, chiều dài từ lộ đến kênh xáng Trắc Băng:Theo đo đạc thực tế, phần đất tranh chấp có tổng diện tích 1.343,9 m^2, tọa lạc tại ấp 1, xã Trí Phải, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau, do ông Nguyễn Văn Tới (chồng bà S) đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, bao gồm: đất ở diện tích 300m^2, còn lại là đất cây lâu năm diện tích 1.043,9m^2 (trong đó, phần đất vỉa hè là 93,9m^2). Do phần diện tích đất 1.343,9m^2 nêu trên là của chung vợ chồng bà S và ông Tới, nên phần bà S ½ diện tích là 671,95m^2 (trong đó có đất ở diện tích 150m^2); phần còn lại là di sản của ông Tới chết để lại được chia thừa kế diện tích là 671,95m^2 (trong đó có đất ở 150m^2). Phần di sản của ông Tới được chia cho hàng thừa kế thứ nhất của ông Tới gồm vợ và con của ông Tới là 12 kỷ phần, mỗi kỷ phần được nhận tương ứng diện tích 55,99m^2 (trong đó đất ở 12,5m^2; đất cây lâu năm 43,49m^2). Sau khi phân chia kỷ phần cho bà S, diện tích còn lại là 615,96m^2 được chia cho 11 kỷ phần còn lại là con của ông Tới và bà S. Khi phân chia, cấp sơ thẩm có xem xét phần đất ông H1 đang quản lý chỉ là đất cây lâu năm, ông H1 đã quản lý sử dụng thời gian dài nhiều năm, có công sức đóng góp trên phần đất, hiện nay ông H1 đã cho con cất nhà ở ổn định trên đất, nên phân chia cho ông H1 diện tích đất 173,3m^2 (đất cây lâu năm); phần còn lại diện tích 442,66m^2 được chia cho 10 kỷ phần gồm ông D1, bà O, bà T1, ông X1, ông C1, ông E, bà U, bà B1, ông D2, ông T2, mỗi kỷ phần tương ứng diện tích 44,27m^2 (trong đó: đất ở 13,75m^2; đất cây lâu năm 30,52m^2). Xét việc cấp sơ thẩm phân chia về diện tích đất giữa ông H1 so với ông D1, bà O, bà T1, ông X1, ông C1, ông E, bà U, bà B1, ông D2, ông T2 tuy có chênh lệch nhau, nhưng xét về giá trị đất, theo Chứng thẩm định giá thì đất ở có giá trị 1.800.000 đồng/m^2; đất cây lâu năm có giá trị 40.000đồng/m^2, nên các bên đương sự đều có lợi: Ông H1 được lợi về diện tích đất; ông D1, bà O, bà T1, ông X1, ông C1, ông E, bà U, bà B1, ông D2, ông T2 được lợi về giá trị đất; nên việc phân chia của cấp sơ thẩm xét thấy là phù hợp. Do đó, kháng cáo của ông D1, bà O, bà T1, ông X1, ông C1, ông E, bà U, bà B1, ông D2, ông T2 yêu cầu chia mỗi kỷ phần bằng 55,99m^2 và kháng cáo của ông H1 yêu cầu chia phần đất ngang 15m, đều không được chấp nhận.

[2.2] Đối với kháng cáo của ông D1, bà O, bà T1, ông X1, ông C1, ông E, bà U, bà B1, ông D2, ông T2 về việc không buộc ông Nguyễn Văn T2 trả cho mỗi người giá trị kỷ phần thừa kế bằng 40.725.000 đồng: Tại phiên tòa phúc thẩm, ông

D1, bà O, bà T1, ông X1, ông C1, ông E, bà U, bà B1, ông D2 đều xác định tại cấp sơ thẩm không có yêu cầu ông T2 trả cho mỗi người giá trị kỷ phần thừa kế bằng 40.725.000 đồng, yêu cầu sửa bản án sơ thẩm không buộc ông T2 phải trả. Xét thấy đây là sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự, nên cấp phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của các đương sự, sửa bản án sơ thẩm, không buộc ông T2 trả cho ông D1, bà O, bà T1, ông X1, ông C1, ông E, bà U, bà B1, ông D2 mỗi người số tiền bằng 40.725.000 đồng.

[2.3] Đối với kháng cáo của anh D3 yêu cầu tạo điều kiện chỗ ở cho gia đình anh: Xét thấy, anh D3 được ông H1 cho cất nhà ở trên phần đất thời gian dài nhiều năm, khi đó bà S cũng không có ý kiến và cũng không ngăn cản. Hiện nay, căn nhà của anh D3 nằm trên phần đất cây lâu năm phân chia cho bà S, bà S sinh năm 1933 đến nay đã lớn tuổi, không có điều kiện để quản lý sử dụng đất; trong khi đó anh D3 cũng không có phần đất nào khác để cất nhà ở, nếu buộc anh D3 tháo dỡ di dời nhà để giao đất cho bà S thì gia đình anh D3 gặp khó khăn về chỗ ở cũng như cuộc sống sinh hoạt của gia đình. Do đó, cần thiết giữ nguyên phần đất cho anh D3 quản lý sử dụng và buộc anh D3 trả lại cho bà S giá trị của phần diện tích đất 184,5m^2 theo giá đất của Chứng thư thẩm định giá 40.000 đồng/m^2 bằng 7.380.000 đồng là phù hợp, nên kháng cáo của anh D3 được chấp nhận.

[3] Từ phân tích trên, cấp phúc thẩm chấp nhận một phần kháng cáo của ông D1, bà O, bà T1, ông X1, ông C1, ông E, bà U, bà B1, ông D2, ông T2; không chấp nhận kháng cáo của ông H1; chấp nhận kháng cáo của anh Đấu, sửa bản án sơ thẩm là phù hợp.

[4] Về án phí:

[4.1] Án phí dân sự sơ thẩm các đương sự phải chịu được điều chỉnh lại theo quy định.

[4.2] Án phí dân sự phúc thẩm: Ông H1 được miễn chịu án phí. Ông D1, bà O, bà T1, ông X1, ông C1, ông E, bà U, bà B1, ông D2, ông T2, anh D3 không phải chịu án phí. Ông D1, bà O, bà T1, ông X1 được miễn dự nộp án phí; ông C1, ông E, bà U, bà B1, ông D2, ông T2, anh D3 đã dự nộp án phí được nhận lại. Anh X2 phải chịu 300.000 đồng, đã dự nộp được chuyển thu.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị nên không đặt ra xem xét.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản khoản 3 Điều 284, khoản 2 Điều 308, Điều 309 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của anh Nguyễn Văn X2.

Chấp nhận một phần kháng cáo của ông Nguyễn Văn D1, bà Nguyễn Thị O, bà Nguyễn Thị T1, ông Nguyễn Văn X1, ông Nguyễn Văn C1, ông Nguyễn Văn E, bà Nguyễn Thị U, bà Nguyễn Thị B1, ông Nguyễn Văn D2, ông Nguyễn Văn T2.

Không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Văn H1.

Chấp nhận kháng cáo của anh Nguyễn Văn D3.

Sửa bản án dân sự sơ thẩm số:11/2023/DS-ST ngày 28 tháng 02 năm 2023 của Toà án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị S, ông Nguyễn Văn D1, bà Nguyễn Thị O, bà Nguyễn Thị T1, ông Nguyễn Văn X1, ông Nguyễn Văn C1, ông Nguyễn Văn E, bà Nguyễn Thị U, bà Nguyễn Thị B1, ông Nguyễn Văn D2, ông Nguyễn Văn T2 đối ông Nguyễn Văn H1 về việc về việc phân chia di sản thừa kế là phần đất có diện tích 1.343,9 m^2, tọa lạc tại ấp 1, xã Trí Phải, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

+ Phân chia cho bà Nguyễn Thị S được hưởng diện tích đất 727,94 m^2, trong đó: Bà S được nhận đất đối với phần đất ở và trồng cây lâu năm 543,44 m^2 (trong đó đất vỉa hè 26,1m^2) có tứ cận: Mặt tiền giáp TỈNH LỘ 983. NHỰA mốc M7'-M12 dài 8,48m; Mặt hậu nhìn từ mặt tiền giáp phần đất UBND xã Trí Phải đang quản lý mốc M9'-M10 dài 8,30m; Cạnh phải nhìn từ mặt tiền giáp phần đất UBND xã Trí Phải đang quản lý mốc M10-M12 dài 64,93m; Cạnh trái nhìn từ mặt tiền giáp phần đất còn lại của ông Tới thừa kế cho các con mốc M7'-M9'dài 64,66m và nhận bằng giá trị đất của phần đất trồng cây lâu năm 184,5 m^2, (trong đó đất vỉa hè 23m^2, có tứ cận: Mặt tiền giáp TỈNH LỘ 983.NHỰA mốc M3'-M4 dài 7,27 m; Mặt hậu nhìn từ mặt tiền giáp Kênh Trắc Băng mốc M1'-M6 dài 8m; Cạnh trái nhìn từ mặt tiền giáp phần đất Ủy ban nhân dân xã Trí Phải quản lý mốc M4-M6 dài 24,79m; Cạnh phải nhìn từ mặt tiền giáp đất được chia cho ông H1 mốc M3'-M1'dài 23,81m) là 7.380.000 đồng.

+ Phân chia cho ông Nguyễn Văn D1, bà Nguyễn Thị O, bà Nguyễn Thị T1, ông Nguyễn Văn X1, ông Nguyễn Văn C1, ông Nguyễn Văn E, bà Nguyễn Thị U, bà Nguyễn Thị B1, ông Nguyễn Văn D2, ông Nguyễn Văn T2, mỗi người được hưởng phần đất diện tích 44,27m^2 , trong đó: đất ở diện tích 12,5m2, đất cây lâu năm diện tích 31,77m^2 . Giao toàn bộ phần chia cho ông D1, bà O, bà T1, ông X1, ông C1, ông E, bà U, bà B1, ông D2, ông T2 cho ông T2 nhận, tổng diện tích 442,66 m^2, trong đó đất vỉa hè 21,5 m^2, có tứ cận: Mặt tiền giáp TỈNH LỘ 983.NHỰA mốc M7-M7' dài 7,02 m^2; Mặt hậu nhìn từ mặt tiền giáp phần đất UBND xã Trí Phải đang quản lý mốc M9-M9' dài 6,70m, cạnh phải nhìn từ mặt tiền giáp đất bà Nguyễn Thị S được nhận quản lý mốc M7'-M9'dài 64,66m; Cạnh trái nhìn từ mặt tiền giáp phần đất ông Trần Trung Hiếu mốc M7-M9 dài 64,45m.

+ Phân chia cho ông Nguyễn Văn H1 được hưởng phần đất trồng cây lâu năm có diện tích 173,3 m^2 (trong đó đất vỉa hè 23,3m^2), có tứ cận: Mặt tiền giáp TỈNH LỘ 983.NHỰA mốc M3'-M3 dài 7,73 m; Mặt hậu nhìn từ mặt tiền giáp Kênh Trắc Băng mốc M1'-M1 dài 7,18m; Cạnh trái nhìn từ mặt tiền giáp đất được chia

cho bà S mốc M3'-M1'dài 23,81m; Cạnh phải nhìn từ mặt tiền giáp phần đất bà Quách Thị Ngọc Loan mốc M1-M3 dài 22,94m.

- Anh Nguyễn Văn D3 được tiếp tục quản lý sử dụng phần đất trồng cây lâu năm 184,5 m^2, (trong đó đất vỉa hè 23m^2), có tứ cận: Mặt tiền giáp TỈNH LỘ 983.NHỰA mốc M3'-M4 dài 7,27 m; Mặt hậu nhìn từ mặt tiền giáp Kênh Trắc Băng mốc M1'-M6 dài 8m; Cạnh trái nhìn từ mặt tiền giáp phần đất Ủy ban nhân dân xã Trí Phải quản lý mốc M4-M6 dài 24,79m; Cạnh phải nhìn từ mặt tiền giáp đất được chia cho ông H1 mốc M3'-M1'dài 23,81m).

(Kèm theo bản vẽ trích đo hiện trạng ngày 20/02/2023)

Buộc anh Nguyễn Văn D3 có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị S giá trị của diện tích đất 184,5m^2 nêu trên với số tiền là 7.380.000 đồng.

- Không chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Nguyễn Văn H1 về việc yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông Nguyễn Văn Tới đứng tên và công nhận quyền sử dụng đất cho ông H1 phần đất nêu trên, đồng thời buộc bà Nguyễn Thị U tháo dỡ nhà trả lại đất cho ông H1.

- Về chi phí đo đạc, thẩm định và định giá tài sản: Bà Nguyễn Thị S phải chịu 15.263.000 đồng; ông Nguyễn Văn H1 phải chịu 3.634.000 đồng; ông Nguyễn Văn D1, bà Nguyễn Thị O, bà Nguyễn Thị T1, ông Nguyễn Văn X1, ông Nguyễn Văn C1, ông Nguyễn Văn E, bà Nguyễn Thị U, bà Nguyễn Thị B1, ông Nguyễn Văn D2, ông Nguyễn Văn T2 mỗi người phải chịu 928.100 đồng. Do bà S đã nộp khoản chi phí này nên buộc ông H1 trả lại cho bà S 3.634.000 đồng; ông D1, bà O, bà T1, ông X1, ông C1, ông E, bà U, bà B1, ông D2, ông T2, mỗi người phải trả lại cho bà S số tiền 928.100 đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong khoản tiền nêu trên thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị S, ông Nguyễn Văn D1, ông Nguyễn Văn X1, bà Nguyễn Thị O, bà Nguyễn Thị T1, ông Nguyễn Văn H1 được miễn chịu án phí. Ông Nguyễn Văn C1, ông Nguyễn Văn E, bà Nguyễn Thị U, bà Nguyễn Thị B1, ông Nguyễn Văn D2, ông Nguyễn Văn T2, mỗi người phải chịu 1.188.000 đồng. Ngày 20/6/2022, ông T2, ông D1, bà O, bà T1, ông X1, ông C1, ông E, bà U, bà B1, ông D2 đã dự nộp chung số tiền 36.919.000 đồng theo biên lai thu số 0015059 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thới Bình, đối trừ được nhận lại 29.791.000 đồng. Anh Nguyễn Văn D3 phải chịu 369.000 đồng.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Văn H1 được miễn án phí.

Ông Nguyễn Văn D1, bà Nguyễn Thị O, bà Nguyễn Thị T1, ông Nguyễn Văn X1, ông Nguyễn Văn C1, ông Nguyễn Văn E, bà Nguyễn Thị U, bà Nguyễn Thị B1, ông Nguyễn Văn D2, ông Nguyễn Văn T2, anh Nguyễn Văn D3 không phải chịu án phí. Ngày 15/3/2023, ông C1, ông E, bà U, bà B1, ông D2, ông T2 mỗi người đã dự nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0003462 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thới Bình được nhận lại.

Anh Nguyễn Văn X2 phải chịu 300.000 đồng. Ngày 13/3/2023, anh X2 đã dự nộp 300.000 đồng theo biên lại thu số 0003453 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thới Bình được đối trừ chuyển thu án phí.

Anh Nguyễn Văn D3 không phải chịu án phí. Ngày 13/3/2023, anh D3 đã dự nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0003454 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thới Bình được nhận lại.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- *Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;*
- *Tòa án nhân dân huyện Thới Bình;*
- *Chi cục THADS huyện Thới Bình;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ;*
- *Lưu án văn;*
- *Lưu VT(TM:TANDTCM).*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thành Lập